

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN M
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/HNGĐ-ST

Ngày 31 - 8 - 2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trãi
2. Ông Nguyễn Mạnh Việt

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Xuân là thư ký Tòa án nhân dân quận M, thành phố Cần Thơ.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận M, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2022/QĐXX-ST ngày 22 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị T**, sinh năm 1970

Địa chỉ cư trú: Khu vực TLA, phường TA, quận M, thành phố Cần Thơ, có mặt.

- Bị đơn: Ông **Huỳnh Văn L**, sinh năm 1972

Địa chỉ cư trú: Khu vực TLA, phường TA, quận M, thành phố Cần Thơ, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2022 và quá trình giải quyết nguyên đơn bà Huỳnh Thị T trình bày:

Nguyên bà và ông Huỳnh Văn L xây dựng hôn nhân vào năm 1996 do tự nguyện thương yêu được cha mẹ đồng ý có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường TA, quận M theo quy định của pháp luật.

Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, giữa vợ chồng thường bất hòa về tình cảm do ông L có người phụ nữ khác bên ngoài, bà có khuyến ngăn

nhưng ông L không thay đổi, bà cố nín nhịn để vợ chồng hàn gắn hạnh phúc nhưng không kết quả.

Xét thấy cuộc hôn nhân không đạt, kéo dài không có hạnh phúc nên bà làm đơn khởi kiện xin ly hôn với ông Huỳnh Văn L.

Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Thị Hồng A (nữ), sinh ngày 06/7/1997 và Huỳnh Thị Kiều T (nữ), sinh ngày 20/01/2002 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với ông Huỳnh Văn L, nhưng bị đơn ông L vắng mặt không lý do nên vụ án không tiến hành việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành làm thủ tục niêm yết công khai giải quyết theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa:

- Bà T yêu cầu được ly hôn. Về phần con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung, nợ chung không có không yêu cầu giải quyết.

- Ông L vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Huỳnh Thị T và ông Huỳnh Văn L tiến tới hôn nhân vào năm 1996 đến năm 2005 mới đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn”. Do bị đơn ông L có nơi cư trú tại khu vực TLA, phường TA, quận M, thành phố Cần Thơ nên thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận M theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai đúng theo thủ tục quy định và đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn ông Huỳnh Văn L nhưng đều vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông L chung sống từ năm 1996 đến năm 2005 đăng ký kết hôn, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn.

Tại phiên tòa, bà T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, giữa vợ chồng thường bất hòa về tình cảm do ông L có người phụ nữ khác bên ngoài, bà có khuyên ngăn nhưng ông L không thay đổi, bà đã cố gắng hàn gắn hạnh phúc nhưng không kết quả. Nay bà nhận thấy không thể sống chung với ông L, nên bà yêu cầu ly hôn với ông L.

Về phía ông L quá trình giải quyết Tòa án đã thực hiện việc triệu tập hợp lệ đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nhằm để động viên hàn gắn hạnh phúc gia đình, nhưng phía ông L vắng mặt không lý do, điều đó cho thấy ông không còn thiết tha gì đến cuộc hôn nhân này, mâu thuẫn giữa vợ chồng các đương sự đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đối chiếu theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, việc ly hôn theo yêu cầu của bà T là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Thị Hồng A (nữ), sinh ngày 06/7/1997 và Huỳnh Thị Kiều T (nữ), sinh ngày 20/01/2002 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do vụ án xét xử vắng mặt ông L, nên chỉ ghi nhận ý kiến của bà T về việc không có tài sản chung và nợ chung. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị T được ly hôn với ông Huỳnh Văn L.

- *Về con chung*: Có 02 con chung tên Huỳnh Thị Hồng A (nữ), sinh ngày 06/7/1997 và Huỳnh Thị Kiều T (nữ), sinh ngày 20/01/2002 đã trưởng thành nên không đặt ra việc nuôi dưỡng.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà Huỳnh Thị T phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0003389 ngày 08/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận M sang thành tiền án phí (công nhận bà T đã nộp xong).

- *Về quyền kháng cáo*: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP/CT;
- VKSND – Q.M;
- Chi cục THADS- Q.M;
- UBND - P.TA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Phi Hùng

